

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/07/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK21+P6	7:25	6-16	0+0		4+18	0+0	
2		TTC2+P8	7:25	5-17	0+0		4+18	0+0	
3		TD1+P8+P6	9:25	10+9+3	0+0+0		10+8+4	0+0+0	
4		P5+P6+BK21	10:00	4+18+0	0+0+0		3+15+4	0+0+0	

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/07/2024	TO: BK21 - P6	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - Toan	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH TRUNG KIẾN	BK21					72	D-HANH	Vietnamese
2	PHAN KIM CUÔNG	BK21				40	60	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU VĂN	BK21					65	D-HANH	Vietnamese
4	BẠCH ANH TUẤN	BK21	51	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ TRUNG TUẤN	BK21	53	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN THUẬT	BK21	54-55	2	15		80	PSV	Vietnamese
7	VŨ VĂN TOÀN	P6					70	D-HANH	Vietnamese
8	LƯU THẾ ANH	P6	58	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	VĂN MINH TÂN	P6	61	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ ĐÌNH SỸ	P6	59	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG TUẤN	P6	66	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRỊNH HOÀNG NGUYỄN	P6	60	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN KHOA TRƯỞNG	P6	62	1	5		78	NIPI	Vietnamese
14	PHAN NGỌC QUYẾT	P6	64	1	5		75	NIPI	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG TÚ	P6					75	DUY LINH	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN PHỤ	P6	63	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG MẠNH THẮNG	P6	55	1	7	85	70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HUY HÙNG	P6	65	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
19	MAI MẠNH KHÁNH CUÔNG	P6	57	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN BĂNG	P6	56	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC AN	P6	67	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	LÂM VĂN KHUÔNG	P6	68	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK21	6	4	25	422	40	4		
2	P6	16	14	79	1.124	85	18		
TOTAL		22	18	104	1.546	125	22		
WEIGHT KG				104	1.546	125			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/07/2024	TO: TTC2 - P8	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.Cuong - DTùng	ETA: 09:25
CAM - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN THUC	TTC2	86	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG QUOC BAO	TTC2	89	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
3	TA MANH HUNG	TTC2				40	66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TUAN MINH	TTC2	87	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HUYNH	TTC2	88	1	3		77	PSV	Vietnamese
6	ĐINH QUANG TRUNG	P8	89	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	HUYNH CHANH PHAT	P8	78	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VIET KHA	P8	82	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN CHÂU NAM	P8	83	1	8		94	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH HAI	P8	87-88	2	14		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN NHAN	P8	75	1	8		75	YTE	Vietnamese
12	VU XUAN THANH	P8	74	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN BA DAT	P8	79-80	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG TRUNG HAU	P8	73	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
15	TÔ NGUYEN MINH KHÔI	P8	86	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG THANH TRUNG	P8	84	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ANH TRI	P8	77	1	5	23	62	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ QUANG HIEN	P8					77	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HUU DUNG	P8	90-91	2	18		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VIET HOA	P8	81	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN QUANG	P8	76	1	2		69	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TIEN VU	P8	85	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	5	4	20	336	40	4		
2	P8	17	19	124	1.208	23	18		
TOTAL		22	23	144	1.544	63	22		
WEIGHT KG				144	1.544	63			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/07/2024	TO: TD1 - P8 - P6	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - Toan	ETA: 11:40
xanh - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU HUU KE	TD1	56-57	2	13		84	KHOAN	Vietnamese
2	LUU DINH MINH	TD1	46	1	16		78	KHOAN	Vietnamese
3	LE VAN QUAN	TD1	47-49	3	25		73	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN QUANG THANH	TD1	58	1	14		62	KHOAN	Vietnamese
5	VO TAN HOA	TD1	54-55	2	22		71	SCHLUMBE	Vietnamese
6	LE VAN TOAN	TD1	53	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM TRUNG THUY	TD1	50	1	4	40	69	KH-THAC	Vietnamese
8	VU HUNG TUAN	TD1	51	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG LONG HAI	TD1	45	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO VAN SANG	TD1	52	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	LE XUAN TRUNG	P8	97	1	6		91	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH VINH	P8	800	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG TIEN	P8	95	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VAN TAN	P8	94	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOAN VAN DU	P8	98	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
16	HO CHE LINH	P8	01	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM VU NHAT QUANG	P8	02-03	2	22		80	KH-THAC	Vietnamese
18	DU TRAN HUNG	P8	99	1	13		78	KH-THAC	Vietnamese
19	TRINH CONG SON	P8	96	1	5		88	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN LAM GIANG	P6	97-98	2	7		77	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TRONG BACH	P6	69	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM VAN DOA	P6	96	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	10	14	116	719	40	10		
2	P8	9	10	72	685	0	8		
3	P6	3	4	20	197	0	4		
TOTAL		22	28	208	1.601	40	22		
WEIGHT KG				208	1.601	40			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/07/2024	TO: P5 - P6 - BK21	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.Cương - DTùng	ETA: 11:50
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ VĂN CẬN	P5	53-54	2	16		65	NIPPON P.	Vietnamese
2	TRƯƠNG TIẾN HẠNH	P5	55	1	5		70	METCO	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HÓN	P5	56	1	5		60	METCO	Vietnamese
4	NHAM ĐIỆN BIÊN	P5	52	1	5		67	NIPI	Vietnamese
5	CAO MINH HOÀNG	P6	18	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN HUY THÔNG	P6	20	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THÌN	P6	26	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ TRƯỞNG DIỄN	P6	21	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	P6	06	1	5	5	63	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG TRỌNG PHÚC	P6	23	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ ĐỨC DŨNG	P6	22	1	13		78	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ĐÌNH HUÂN	P6	24	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P6	15-17	3	15		80	YTE	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P6	14	1	5		70	PSV	Vietnamese
15	HOANG VĂN TRỌNG	P6	07	1	5		75	PSV	Vietnamese
16	HỒ QUỐC VŨ	P6	08	1	5		67	PSV	Vietnamese
17	CAO DUY LŨNG	P6	19	1	6		56	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HỮU	P6	25	1	8		60	PSV	Vietnamese
19	PHẠM QUANG TUÂN	P6	13	1	10		70	BIÊN XÃN	Vietnamese
20	BUI TRỌNG QUYẾT	P6	09-10	2	8		70	BIÊN XÃN	Vietnamese
21	ĐỖ TRỌNG HIẾU	P6	12	1	8		60	BIÊN XÃN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	4	5	31	262	0	3		
2	P6	17	20	141	1.184	5	15		
3	BK21	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		21	25	172	1.446	5	22		
WEIGHT KG				172	1.446	5			

GRAND TOAL: 1.623 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/07/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM+CTK3+TD2	7:25	13+3+4	0+0+0		14+2+6	0+0+0	
2		BK3+TD5+MRM	9:25	8+6+6	0+0+0		0+10+12	0+0+0	

TTBBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/07/2024	TO: MRM - CTK3 - TD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TTrung - Sơn - Tú	ETA: 09:20
XANH - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BELENKO KONSTANTIN	MRM	03,06	2	13		79	AMNGR	Russian
2	USMANOV ALBERT	MRM	08-09	2	19		119	AMNGR	Russian
3	SHABAKANOV MARAT	MRM	07	1	18		84	AMNGR	Russian
4	KHOKHLOV VLADISLAV	MRM	17-18	2	22		85	AMNGR	Russian
5	GVOZDEV ALEKSEI	MRM	10	1	16		88	AMNGR	Russian
6	ALEKSANDROVICH IVAN	MRM	14	1	6		85	AMNGR	Russian
7	KISELNIKOV NIKOLAI	MRM	15-16	2	11		98	AMNGR	Russian
8	NABOKOV ANDREY	MRM	11-12	2	14		90	AMNGR	Russian
9	KVARTNIKOV ANTON	MRM	13	1	5		113	AMNGR	Russian
10	MAKSHANTSEV EVGENY	MRM	05	1	14		78	AMNGR	Russian
11	SHAKIN MIKHAIL	MRM	01-02	2	16		87	AMNGR	Russian
12	SHURUPOV PAVEL	MRM	04	1	20		89	AMNGR	Russian
13	LE NGUYEN THANH MINH	MRM	19	1	9		77	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN HOANG HA	CTK3	79	1	4	3	68	KH-THAC	Vietnamese
15	CAO VAN THANG	CTK3	80	1	5	10	77	WOGC	Vietnamese
16	VÔ SĨ MINH TÂN	TD2	96	1	4	26	58	KHOAN	Vietnamese
17	ĐINH CHÍ CÔNG	TD2	95	1	14		66	KHOAN	Vietnamese
18	ĐẶNG MINH TUÂN	TD2	94	1	18		82	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	TD2	97-99	3	30		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	13	19	183	1.172	0	14		THAY CA PHAM HUU TUNG 1 NOIBO VE (GHE PHU)
2	CTK3	2	2	9	145	13	2+		
3	TD2	4	6	66	286	26	6		
TOTAL		19	27	258	1.603	39	22		
WEIGHT KG				258	1.603	39			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/07/2024	TO: BK8 - TD5 - MRM	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TTrung - Sơn - Tú	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TOÀN	BK8	31-32	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐOÀN HÀ	BK8	58	1	14		85	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HỮU	BK8	83-84	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI VĂN HỘI	BK8	29-30	2	14		52	XAYLAP	Vietnamese
5	VU HỒNG PHONG	BK8	61-62	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN VIỆT	BK8	59-60	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐỖ XUÂN PHƯƠNG	BK8	63-64	2	25		60	XAYLAP	Vietnamese
8	LE VAN VUONG	BK8	67-68	2	20		73	KH-THAC	Vietnamese
9	LE TRI NANG	BK8	65-66	2	12		73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU TRUNG	TD5	200	1	17		74	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN TRINH QUỐC VƯƠNG	TD5	97	1	10	35	74	KHOAN	Vietnamese
12	ĐINH SỸ TUÂN	TD5	26-27	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGO VAN SON	TD5	99	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
14	LE HUYNH TRUNG	TD5	98	1	9		78	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN HOÀNG SƠN	MRM	21	1	7		73	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC TỈNH	MRM	23	1	9		77	PSV	Vietnamese
17	TROIANOV DMITRII	MRM	24	1	15		83	AMNGR	Russian
18	DIDENKO PAVEL	MRM	25-26	2	14	30	89	AMNGR	Russian
19	ZAPASNIK ILIA	MRM	22	1	5		103	AMNGR	Russian
20	KARIMOV TAGIR G.	MRM	20	1	17		88	D-HANH	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	9	17	165	601	0	0		
2	TD5	5	6	61	386	35	10		
3	MRM	6	7	67	513	30	12		
TOTAL		20	30	293	1.500	65	22		
WEIGHT KG				293	1.500	65			

GRAND TOAL: 1.858 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/07/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		HSD+AMD	7:25	3+19	0+0		3+19	0+0	
2		P7+P5	7:25	21+1	0+0		15+7	0+0	
3		P4+P6	7:25	22+0	0+0		19+3	0+0	
4		RC10+P1	9:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
5		P5+TTC2+AMD	9:25	13+3+5	0+0+0		14+0+8	0+0+0	
6		P1+P10+P7	9:25	16+0+6	0+0+0		11+2+9	0+0+0	
7		P10+RP1+TD3	11:25	17+0+2	0+0+0		16+2+4	0+0+0	chuyen 2 RP1-td3
8		P4+P3	11:25	6+14	0+0		7+15	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2024	TO: HSD - AMD	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - N.Cuong - Vu	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN NGOC THU	HSD	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRUONG DUC HUNG	HSD	88	1	9	20	80	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN MINH HOAI	HSD	89	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VO BA LINH	AMD	22-23	2	15		75	HLJOC	Vietnamese
5	PHAM VAN AN	AMD	19	1	5		68	HLJOC	Vietnamese
6	PHAM TUAN HA	AMD	34-35	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
7	DOAN TAN TRI	AMD	25	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN HIEU THAO	AMD	37	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN DINH KHANH	AMD	24	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM ANH NGU	AMD	40	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO BA THANH	AMD	36	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MANH CAN	AMD	26-27	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
13	CHU HUU CHINH	AMD	43-44	2	9		57	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HIEN	AMD	31	1	4	70	67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRAN QUOC KHANG	AMD	38-39	2	24		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LE VIET THANG	AMD	21	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
17	DAO DUC HUY	AMD	28	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN MINH HOANG	AMD	32-33	2	15		87	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN QUOC VIET	AMD	20	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRUNG KIEN	AMD	29	1	10		93	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM VIET DUC	AMD	30	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
22	LE QUANG VIET	AMD	41-42	2	18		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	3	3	21	220	20	3		
2	AMD	19	26	177	1.315	70	19		
TOTAL		22	29	198	1.535	90	22		
WEIGHT KG				198	1.535	90			

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2024	TO: P7 - P5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung -	ETA: 09:25
CAM-1		MQUÂN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH HIẾN	P7	64-65	2	20		82	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC HÙNG	P7	67	1	16		73	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM NGỌC DINH	P7	61	1	10	15	82	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC THỊNH	P7	66	1	7	46	51	XAYLAP	Vietnamese
5	NGÔ ĐÌNH NHẬT MINH	P7	60	1	11		82	XAYLAP	Vietnamese
6	NGÔ ANH QUỐC	P7	63	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NAM	P7	74	1	7		72	YTE	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	P7					71	KH-THAC	Vietnamese
9	MAI VĂN SƠN	P7	75	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN TIẾN HIỆP	P7	68	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
11	MAI CÔNG LAN	P7	80	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
12	TRỊNH VĂN PHƯỢNG	P7					78	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC SƠN	P7					75	KH-THAC	Vietnamese
14	LÂM ĐĂNG GIANG	P7	73	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM NGUYỄN HAI DƯƠNG	P7	76	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ MINH TOÀN	P7	78-79	2	14		113	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LÂM	P7	81-82	2	15	27	69	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN ANH HÙNG	P7	77	1	13		82	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN THẾ HẠNH	P7	71	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
20	TRỊNH HUU CÂN	P7	72	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN NHẬT KIM LONG	P7	69	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
22	LE VĂN VIỆT	P7	70	1	4		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	22	22	192	1.635	88	15		
2	P5	0	0	0	0	35	7		
TOTAL		22	22	192	1.635	123	22		
WEIGHT KG				192	1.635	123			

GRAND TOAL: 1.950 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2024	TO: P4 - P6	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHẢI - dũng	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PODYMOV D.	P4	80	1	7		145	KH-THAC	Russian
2	HOANG NGOC TRUONG	P4	75	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
3	DINH VAN TOAN	P4	60-61	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
4	HA VAN NIN	P4	78-79	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HUU SY	P4	67	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH TAM	P4	71-72	2	12		68	YTE	Vietnamese
7	PHAN ANH ĐỨC	P4	83	1	5		94	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG KHAC DU	P4	70	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
9	LE VAN CHIEN	P4					70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐANG HONG VIET	P4	65	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN BAO TOAN	P4	81	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
12	LAM VAN PHUC	P4	64	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐAO MINH TUAN	P4					73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN THUONG	P4	82	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH HAI	P4	77	1	16		68	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG THE ANH	P4	66	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	LAM XUAN HAI	P4	76	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HUNG BAY	P4	68	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM LE DUONG	P4	73-74	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
20	LE HOANG PHUNG	P4	62	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THANH HAI	P4	69	1	2		58	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN THANH NAM	P4	63	1	3	40	75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	24	137	1.626	40	19		
2	P6	0	0	0	0	70	3		
TOTAL		22	24	137	1.626	110	22		
WEIGHT KG				137	1.626	110			

GRAND TOAL: 1.873 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2024	TO: RC10 - P1	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - N.Cuong - Vu	ETA: 11:40
trang-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN XUAN HUNG	RC10	31	1	10		70	DATAKAN	Vietnamese
2	LE VAN NGHI	RC10	32	1	15	20	65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN TUNG	P1	85	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN KHANH DUY	P1					86	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN THANG	P1	73	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM MINH ĐỨC	P1	86-87	2	19		80	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HA	P1	78-79	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
8	TRUONG VAN TRE	P1	81	1	7	16	60	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN VAN HUNG	P1	83-84	2	19		61	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG VAN LINH	P1	71-72	2	9		60	YTE	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG HUY	P1	93	1	7		64	DK9	Vietnamese
12	TRAN THANH HAI	P1	76	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
13	LE QUANG TRUONG	P1	75	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
14	VI KHAC THANH	P1	77	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	LUU VAN TUAN	P1	89	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN THUONG	P1	91	1	7	40	82	KH-THAC	Vietnamese
17	CHAU HUNG HUY	P1	82	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
18	HO HUU CHUNG	P1	90	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN QUANG PHUOC	P1	92	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
20	VU QUANG TUYEN	P1	74	1	5		100	KH-THAC	Vietnamese
21	DUONG DUY KHUONG	P1	88	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
22	LE VAN TU	P1	70	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC10	2	2	25	135	20	0		
2	P1	20	23	155	1.398	56	22		
TOTAL		22	25	180	1.533	76	22		
WEIGHT KG				180	1.533	76			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2024	TO: P5 - TTC2 - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung -	ETA: 11:45
HONG - 2		MQUAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TUÔNG	P5	14	1	8		68	YTE	Vietnamese
2	LƯƠNG VĂN THANH	P5	13	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
3	TÔNG XUÂN SINH	P5	10-11	2	18		63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TUÂN MINH	P5	08	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG NGOC ANH CHIEN	P5	16	1	15	15	71	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐÌNH TỰ	P5	18	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	09	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN ĐÌNH PHẠC	P5	07	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN CAO MẠNH	P5	12	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN ANH PHƯƠNG	P5	05	1	6		67	PSV	Vietnamese
11	ĐỖ KHẮC ĐÀ	P5	04	1	5		70	PSV	Vietnamese
12	ĐÀO XUÂN THANH	P5	06	1	3		68	PSV	Vietnamese
13	ĐÌNH VĂN LƯU	P5	03	1	5		52	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN HOANG VIỆT	P5	15	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÀO ĐỨC THAI	TTC2	17	1	13	13	93	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ HUY MẠNH	TTC2	16	1	13		82	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ XUÂN TÂM	TTC2	15	1	14		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH SONG	AMD	49	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
19	VÌ TRẦN TÂN THUẬN	AMD	53-54	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN LÂM THĂNG	AMD	51	1	4		84	PSV	Vietnamese
21	PHẦN VĂN HÒA	AMD	52	1	6	50	73	PSV	Vietnamese
22	LÊ VĂN THIÊN	AMD	50	1	7		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	14	15	98	955	15	14		
2	TTC2	3	3	40	242	13	0		
3	AMD	5	6	40	344	50	8		
TOTAL		22	24	178	1.541	78	22		
WEIGHT KG				178	1.541	78			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2024	TO: P4 - P3		AIRCRAFT: 420		ETD: 12:15
FLIGHT: 6	FROM: VT		CREW: TTrung - N.ANH - QTrưởng		ETA: 14:05
VANG-3					

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAI TRONG BINH	P4	23	1	12	17	75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN THANH	P4	26	1	6		60	KHI	Vietnamese
3	TRAN VAN THUC	P4	19-20	2	20	10	70	KHI	Vietnamese
4	LE TRUONG HAU	P4	17-18	2	20		79	KHI	Vietnamese
5	PHAM HUY DINH	P4	21-22	2	20		63	T-TIN	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN HONG	P4	24	1	3		53	PSV	Vietnamese
7	DINH SONG HAI	P3	05-06	2	14		60	YTE	Vietnamese
8	VU VAN TIEN	P3	17	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG MANH CUONG	P3	15-16	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
10	DAO DINH HUY	P3	09	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TRUONG	P3	13	1	5	10	78	KH-THAC	Vietnamese
12	LE CHI CONG	P3	10-11	2	15		93	KH-THAC	Vietnamese
13	CHAU DINH TU	P3	12	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC VINH	P3	04	1	8	22	67	KH-THAC	Vietnamese
15	HO NGHIA TAI	P3	01	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN CONG THANH	P3	14	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VIET DUNG	P3	07-08	2	13		62	KH-THAC	Vietnamese
18	DO HOAI NAM	P3	02	1	8		66	PSV	Vietnamese
19	PHAM HONG DIEN	P3	03	1	5		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	6	9	81	400	27	7		
2	P3	13	17	110	914	32	15		
TOTAL		19	26	191	1.314	59	22		
WEIGHT KG				191	1.314	59			

GRAND TOAL: 1.564 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lên VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2024	TO: P10 - RP1 - TD3	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: KHOAN - NPhu - HIEU	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÔNG HOÀNG ĐỨC	P10	01	1	15	15	70	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN NGỌC QUYẾT	P10	15	1	11		63	XAYLAP	Vietnamese
3	DUÔNG SỸ CHIẾN	P10	14	1	14		66	XAYLAP	Vietnamese
4	NGO HỒNG THÀNH	P10	02	1	11		69	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	P10	06-07	2	22		85	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN KHÁC DUY	P10	10	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
7	MAI VĂN MINH	P10	09	1	9		74	XAYLAP	Vietnamese
8	HỒ SỸ TRUNG	P10	16-17	2	12		67	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT HÙNG	P10	08	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC GIÁP	P10	12-13	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN SƠN	P10	18	1	10	12	85	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ NGỌC HIẾU	P10	03-04	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
13	CU VIỆT LONG	P10	05	1	16		68	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HÙNG	P10	11	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ XUÂN LẬP	P10	22	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐO DẠNH NGỌC	P10	20	1	10	12	78	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN NAM KHANH	P10	23	1	10	14	67	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN THANH HOÀNG	TD3	72-73	2	20		68	KH-THAC	Vietnamese
19	HÀ VĂN CẢNH	TD3	74-75	2	18	6	60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	17	21	232	1.183	53	16		CHUYEN 2 PAX RP1-TD3
2	RP1	0	0	0	0	0	2	2	
3	TD3	2	4	38	128	6	4		
TOTAL		19	25	270	1.311	59	22		
WEIGHT KG				270	1.311	59			

GRAND TOAL: 1.640 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 8	TO: P1 - P10 - P7	CREW: ĐỨC - KHAI - dũng	ETA: 11:50
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG NGUYỄN LONG NHÂN	P1	19	1	7		120	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	40	1	2		61	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ NGUYỄN KHÁNH DUY	P1	18	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	01	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ MINH HIẾU	P1	39	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG THANH	P1	34	1	7		67	ANTOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TÙNG	P1	33	1	11		67	ANTOAN	Vietnamese
8	KHUÔNG THANH DƯƠNG	P1	35	1	12		70	ANTOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH VƯƠNG	P1	36-38	3	15		97	ANTOAN	Vietnamese
10	BUI VĂN THOẠI	P1	27-28	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ TRỌNG HUNG	P1	22-23	2	20		74	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐẶNG XUÂN THẮNG	P1	20-21	2	21		68	XAYLAP	Vietnamese
13	VU VĂN HIỆP	P1	29-30	2	16		90	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC CHÍNH	P1	32	1	15		77	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN QUANG HUY	P1	31	1	7		85	PSV	Vietnamese
16	TRƯƠNG QUỐC BAO	P1	24-26	3	10		58	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC HUNG	P7	52,54	2	25		92	KH-THAC	Vietnamese
18	VU TRƯỜNG GIANG	P7	59	1	10	17	65	DVL	Vietnamese
19	ĐÀO TUÂN CHỦ	P7	51	1	2	40	65	PSV	Vietnamese
20	HỒ MINH PHÚC	P7	56	1	4		79	PSV	Vietnamese
21	LÊ VĂN ĐỨC	P7	55	1	9		54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	16	24	177	1.203	0	11		
2	P10	0	0	0	0	0	2		
3	P7	5	6	50	355	57	9		
TOTAL		21	30	227	1.558	57	22		
WEIGHT KG				227	1.558	57			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/07/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú		
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay		Người	Hàng
1		BK14+TD1	7:25	3+19	0+0		1+21	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/07/2024	TO: BK14 - TD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - THỤ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W	COMPANY	NATION
1	TRẦN XUÂN TRƯỞNG	BK14	41-42	2	10		75	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ HUY BÁC	BK14	43-44	2	16	30	70	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY CẢNH	BK14	40	1	4		56	PSV	Vietnamese
4	STESHIN VALERIY	TD1	25	1	8		160	KHOAN	Russian
5	PHAN VIỆT HÙNG	TD1	30	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1	37	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	26	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
8	MAI XUÂN TÙNG	TD1	80	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU NAM	TD1	39	1	10		88	KHOAN	Vietnamese
10	QUÁCH VĂN THẮNG	TD1	41	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	23-24	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
12	HOÀNG VĂN MINH	TD1	29	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
13	VU MẠNH HẢI	TD1	38	1	4		81	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN QUANG SANG	TD1	35	1	6		53	KHOAN	Vietnamese
15	NGHIÊM XUÂN VIỆT	TD1	33-34	2	14		60	KHOAN	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN QUANG	TD1	22	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
17	BUI NGỌC ĐỖ	TD1	27-28	2	9		70	ANTOAN	Vietnamese
18	MAI HUY TỬ	TD1	21	1	10		60	DVL	Vietnamese
19	LÊ VĂN NGỌC	TD1	36	1	5		79	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN TẤT LỘC	TD1	40	1	4		58	PSV	Vietnamese
21	LÊ VĂN TÍNH	TD1	31-32	2	5		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	3	5	30	201	30	1		
2	TD1	18	22	124	1.340	0	21		
TOTAL		21	27	154	1.541	30	22		
WEIGHT KG				154	1.541	30			

GRAND TOAL: 1.725 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN